

Bản án số: 60/2019/DS-PT

Ngày: 05 – 4 – 2019

“V/v tranh chấp lỗi dẫn nước trong tưới tiêu
và bồi thường thiệt hại về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn;

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 05/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2019/TLPT-DS ngày 17/01/2019 về Tranh chấp lỗi dẫn nước trong tưới tiêu và bồi thường thiệt hại về tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2019/QĐ-PT ngày 04/3/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Lương Văn S, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số nhà 58, ấp T, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Nguyễn Văn T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số nhà 116A/TLA, ấp T, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số nhà 113A, ấp T, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Hòa B (Út B), sinh năm 1976;

Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1975;

Nguyễn Hữu N, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: 189 ấp T, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Mỹ H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Lương Văn S trình bày:

Ông sử dụng 5.000m² đất thuộc thửa số 75, tờ bản đồ số 22, tại xã D, huyện L để trồng xoài. Nhiều năm qua ông đặt ống bọng đường kính 12cm, dài khoảng 32m qua thửa số 115, tờ bản đồ số 22 đất lúa của ông Nguyễn Hòa B để dẫn nước từ mương công cộng vào đất của ông để canh tác. Khoảng tháng 4/2017 ông B chuyển nhượng phần đất này cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị Mỹ H. Khi đó, ông có hỏi ông T, bà H cho ông được tiếp tục để nguyên hiện trạng đường ống bọng này để tưới tiêu vườn nhưng vợ chồng ông T, bà H không đồng ý mà còn dùng xe cuốc mức bỏ đường ống bọng của ông. Hiện nay ông không còn đường nào để dẫn nước tưới tiêu vườn xoài của ông. Do thửa 115 vợ chồng ông T, bà H đã đào mương lên vườn nên ông không thể đặt ống bọng ngay chỗ cũ được. Vì vậy, ông yêu cầu vợ chồng ông T, bà H và hộ ông Nguyễn Hòa B cho ông đặt lại ống bọng trên phần đất liền gần vị trí cũ theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V đo vẽ ngày 16/11/2017, có chiều ngang đầu ngoài giáp kênh thủy lợi 0.57m, đầu trong 0.58m và chiều dài hết thửa số 05, tờ bản đồ số 19 có diện tích 19.7m² trong phạm vi các mốc M2, M3, M4, M5, M6, M1 về M2 của thửa 05 tờ bản đồ số 19 do ông T và bà H sử dụng. Đồng thời, ông yêu cầu ông T, bà H bồi thường ống bọng dài 32m, đường kính 12cm cho ông là 1.000.000đ.

- Bị đơn:

+ Bà Trương Thị Mỹ H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19 vợ chồng bà chuyển nhượng của ông Nguyễn Hòa B. Khi chuyển nhượng gồm 02 thửa số 115 và số 05. Khi

làm thủ tục sang tên thì bà đã đăng ký thiếu thửa số 05, nên hiện giờ bà đang làm thủ tục cấp giấy thửa 05. Lúc chuyển nhượng vợ chồng bà có thỏa thuận với ông B là tất cả những gì trên đất phải tháo dỡ di dời. Sau khi vợ chồng bà chuyển nhượng đất của ông B, vợ chồng bà có qua nói với ông S tháo dỡ ống bọng nhưng ông S không tháo dỡ di dời nên vợ chồng bà cho máy cuốc bỏ ống bọng để vợ chồng bà lên liếp trồng cam. Vợ chồng bà không đồng ý cho ông S đặt ống bọng qua đất của vợ chồng bà vì sau này vợ chồng bà có xây nhà, thì việc ông S đặt ống bọng qua đất sẽ khó khăn trong việc xây cất. Ngoài phần đất của vợ chồng bà ra ông S có thể đặt ống bọng qua phần đất của ông H1 để tưới tiêu nước.

Vợ chồng bà đồng ý bồi thường ống bọng cho ông S là 1.000.000 đ.

+ Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông thống nhất theo lời trình bày của vợ ông là bà H, ông không yêu cầu hay trình bày gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Hòa B trình bày:

Ông có quan hệ bà con cô cậu với ông S, còn ông T, bà H chỉ quan hệ ở xóm. Khoảng đầu năm 2017 ông có chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà H thửa đất số 115 và thửa đất số 05 hiện nay ông S yêu cầu được đặt ống bọng. Thửa số 05 này do lúc tách thửa ông đăng ký thiếu nên lúc bán cho ông T, bà H ông không biết có thửa số 05 này nhưng diện tích đất tại thửa số 05 đã chuyển nhượng cho ông T, bà H sử dụng. Trước khi chuyển nhượng thì trên đất của anh tại thửa 115 có ống bọng của ông S đặt qua phần đất này. Ống bọng này ông S sử dụng từ trước cho đến khi ông chuyển nhượng đất cho ông T, bà H nhưng ông T, bà H không cho ông S sử dụng nữa. Theo ông thì ngoài đường nước hiện nay ông S yêu cầu thì ông S có thể sử dụng đường nước qua đất ông H1 nhưng đất của ông H1 đã có đặt ống bọng cho nhiều hộ sử dụng chung nên ông S có được sử dụng hay không thì hỏi ý kiến ông H1. Ông đã bán đất cho ông T, bà H xong nên ông không tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này. Việc ông S yêu cầu được sử dụng lối dẫn nước, tiêu nước qua thửa đất số 05 do ông T, bà H quyết định.

+ Bà Nguyễn Ngọc L trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của chồng chị là anh B, chị cũng không yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án này.

+ Anh Nguyễn Hữu N đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh không có văn bản yêu cầu hay phản bác ý kiến của Nguyên đơn, Bị đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 53/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lương Văn S về việc yêu cầu mở lối tưới nước, tiêu nước trong canh tác.

Buộc bà Trương Thị Mỹ H, ông Nguyễn Văn T, hộ Nguyễn Hòa B (Út B), Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Hữu N phải dành cho ông Lương Văn S một lối tưới nước, tiêu nước có diện tích 19.7m² được thể hiện tại các mốc M2, M3, M4, M5, M6, M1 quay về M2, theo mảnh trích đo địa chính số 18-2018, ngày 14/11/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp T, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do bà Trương Thị Mỹ H, ông Nguyễn Văn T đang quản lý sử dụng (Có mảnh trích đo địa chính số 18-2018 ngày 14/11/2017 kèm theo).

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Lương Văn S về việc tự nguyện đặt đường ống để tưới nước, tiêu nước.

Ông Lương Văn S tự nguyện có nghĩa vụ đặt đường ống dẫn nước để tưới nước, tiêu nước có diện tích 19.7m² được thể hiện tại các mốc M2, M3, M4, M5, M6, M1 quay về M2, theo mảnh trích đo địa chính số 18-2018, ngày 14/11/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp T, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do bà Trương Thị Mỹ H, ông Nguyễn Văn T đang quản lý sử dụng (Có mảnh trích đo địa chính số 18-2018 ngày 14/11/2017 kèm theo).

Ông Lương Văn S có nghĩa vụ đặt ống dẫn nước, tiêu nước thích hợp không để ảnh hưởng, không gây thiệt hại đến phần đất và cây trồng của bà Trương Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T.

2. Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Lương Văn S và bị đơn Trương Thị Mỹ H, Nguyễn Văn T phần bồi thường thiệt hại về ống bơm.

Bà Trương Thị Mỹ H, ông Nguyễn Văn T tự nguyện có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về ống bọng cho ông Lương Văn S là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Lương Văn S về chi phí lắp đặt, chuyên chở và một phần thiệt hại về ống bọng là 3.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/12/2018 ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Mỹ H là bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Ông bà đồng ý cho ông S đặt ống bọng dẫn nước tưới tiêu qua phần đất của ông bà giáp với đất của ông Nguyễn Phước H1. Vì vị trí này thuận lợi cho ông S và không ảnh hưởng nhiều đến việc sử dụng đất của gia đình ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Lương Văn S rút một phần đơn khởi kiện đối với việc yêu cầu được đặt ống bọng dẫn nước qua phần đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Mỹ H. Do ông đã có lối dẫn nước khác qua đất của ông Nguyễn Phước H1.

+ Ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Mỹ H đồng ý việc ông Lương Văn S rút một phần đơn khởi kiện đối với yêu cầu được đặt ống bọng dẫn nước qua phần đất của ông bà. Do ông S rút một phần đơn khởi kiện nên ông bà rút toàn bộ kháng cáo của mình.

+ Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc ông S rút một phần đơn khởi kiện về việc yêu cầu được đặt ống bọng dẫn nước phần đất qua phần đất của ông T và bà H và chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của ông T bà H.

+ Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy và đình chỉ giải quyết vụ án một phần bản án dân sự sơ thẩm số 53/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đối với yêu cầu khởi kiện là phần nguyên đơn ông S yêu cầu bị đơn bà H, ông T mở lối dẫn nước tưới tiêu và chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà H, ông T bồi thường thiệt hại ống dẫn nước tưới tiêu số tiền 1.000.000 đồng cho ông S.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc ông Lương Văn S rút một phần đơn khởi kiện; ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Mỹ H rút toàn bộ đơn kháng cáo của mình là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Đối với việc ông S yêu cầu ông T và H bồi thường thiệt hại 1.000.000 đồng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, ông T và bà H đồng ý bồi thường cho ông S 1.000.000 đồng. Việc thỏa thuận này không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Xét ý kiến của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn và vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử hủy và đình chỉ giải quyết vụ án một phần bản án dân sự sơ thẩm số 53/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đối với yêu cầu khởi kiện là phần nguyên đơn ông S yêu cầu bị đơn bà H, ông T mở lối dẫn nước tưới tiêu và chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà H, ông T bồi thường thiệt hại ống dẫn nước tưới tiêu số tiền 1.000.000 đồng cho ông S là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử hủy và đình chỉ giải quyết vụ án một phần bản án dân sự sơ thẩm số 53/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn S về việc yêu cầu mở lối tưới nước, tiêu nước trong canh tác qua đất của ông Nguyễn Văn T và bà

Trương Thị Mỹ H tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tại ấp T, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Do hủy và đình chỉ giải quyết vụ án một phần bản án dân sự sơ thẩm nên đương sự vẫn phải chịu án phí sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và phải chịu một nửa án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 299, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy và đình chỉ giải quyết vụ án một phần bản án dân sự sơ thẩm số 53/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đối với yêu cầu của ông Lương Văn S về việc yêu cầu mở lối tưới nước, tiêu nước trong canh tác qua đất của ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Mỹ H tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tại ấp T, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Mỹ H có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Lương Văn S là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Mỹ H liên đới chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0002542 và số 0002543 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Số còn lại ông T và bà H phải nộp tiếp là 150.000 đồng.

+ Ông Lương Văn S được nhận lại 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 15369 ngày 25/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Mỹ H liên đới chịu 2.826.000 đồng để trả lại cho ông Lương Văn S do ông S đã tạm ứng trước.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Phòng KTNV-THA TA tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt